

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 7 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Ngọc Tú.

Ông Phạm Văn Xuân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 17, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Thái Việt H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Địa chỉ: Số 17, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Trước khi kết hôn chị Nguyễn Thị H và anh Thái Việt H có được tự do tìm hiểu yêu nhau một thời gian thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2006 và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vào ngày 23/3/2006.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn, sau đó thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn, ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ bất đồng trong quan điểm sống, càng ngày mâu thuẫn càng lớn hơn. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và gay gắt hơn, do anh Thái Việt H hay chơi cờ bạc, lơ đãng không giúp gì cho vợ con, do đó cuộc sống chung của vợ chồng rất căng thẳng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng có được hai bên gia đình nội ngoại nhiều lần động viên, hòa giải khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Do cuộc sống căng thẳng nên từ năm 2017, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Thái Việt H.

Về con chung có 02 người con, cháu Thái Minh Khang sinh ngày 05/11/2007 và cháu Thái Việt H Chi sinh ngày 14/3/2012, hiện các con chung đang ở cùng chị H. Về điều kiện nuôi con, chị H là cán bộ có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Sau ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Thái Việt H không hợp tác, cố tình trốn tránh nên không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Về hôn nhân cho chị H được ly hôn với anh H. Về nuôi con: Chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để nộp ngân sách NH nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Thái Việt H, đăng ký kết hôn ngày 23/3/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn,

nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình hôn nhân tồn tại cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi chửi, không tôn trọng nhau, hiện nay hai vợ chồng đang sống ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 02/3/2021 của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng Hn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Thái Việt H có 02 người con chung cháu Thái K sinh ngày 05/11/2007 và cháu Thái C sinh ngày 14/3/2012. Xét về điều kiện nuôi con, từ khi ly thân chị H một mình nuôi 02 con chung, anh H không có đóng góp gì, chị H là cán bộ có thu nhập ổn định. Nguyên vọng của các con chung được ở với mẹ, quá trình giải quyết vụ án anh H không hợp tác, không có ý kiến nguyện vọng về việc được nuôi con. Vì vậy, để cuộc sống của các con chung được ổn định việc giao con chung cho chị Nguyễn Thị H là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung và không làm xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu quyền được nuôi con của chị H.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để nộp ngân sách NH nước.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Thái Việt H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Thái Việt H có 02 người con chung, con lớn Thái K sinh ngày 05/11/2007; con nhỏ Thái C sinh ngày 14/3/2012.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh Thái Việt H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị H chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002086 ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND thị trấn Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn